

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KIẾN TRÚC

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	ĐỒ ÁN TỔNG HỢP		
Mã học phần:	71ARCH40364	Số tín chỉ:	04
Mã nhóm lớp học phần:	71ARCH40364_01-16		
Hình thức thi: Đồ án (Có thuyết trình)	Thời gian làm bài:	7	ngày
☒ GV giao đề bài trong thời gian giảng dạy lớp học phần	☐ TT. Khảo thí thiết lập và giao đề bài trên hệ thống thi CTE theo lịch thi Phòng Đào tạo công bố		
☒ Cá nhân	☐ Nhóm	Số SV/nhóm:	21
Quy cách đặt tên file		Mã SV_Ho và ten SV_Tên học phần	

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Tùy theo SV lựa chọn thể loại công trình, đồ án có yêu cầu các nội dung chức năng như sau:

1. THỂ LOẠI CÔNG TRÌNH NHÀ Ở:

DT khu đất nghiên cứu khoảng: 5 – 5,5 ha, gồm có các công trình sau:

a. Khu nhà ở: có tỉ lệ đất ở chiếm 45 - 50%, qui mô dân cư đô thị: 2.750 – 3.330 dân, tiêu chuẩn đất ở: 15 - 20m²/người (B. 2.2 – QCVN 01:2021, đô thị loại I), gồm các loại hình nhà ở sau:

a.1. Chung cư cao tầng hạng A, chiếm tỷ lệ 30 - 40% DT đất ở, qui mô 20 – 25 tầng tiêu chuẩn sàn ở 25 - 30m²/người các loại căn hộ A, B, C, Duplex và Penthouse (150 – 250m²/ căn); có Mật độ xây dựng (MĐXD) = 40 – 45%, Hệ sử dụng đất (K) = 3 – 3,5 lần.

a.2. Chung cư cao tầng hạng B, chiếm tỷ lệ 40 – 50% DT đất ở, qui mô 18 – 20 tầng, tiêu chuẩn DT sàn ở 20 - 25m²/người các loại căn hộ A, B, C, Shophouse hoặc Officetel; có MĐXD) = 40 – 45%, Hệ K = 2,8 – 3 lần.

a.3. Chung cư thấp tầng hạng A, chiếm tỷ lệ 10 – 20% DT đất ở, qui mô 5 – 7 tầng, tiêu chuẩn DT sàn ở 25 - 30m²/người các loại căn hộ A, B, C; có MĐXD = 35 – 40%, Hệ K = 2 – 2,5 lần.

a.4. Nhà liên kế kết hợp thương mại dịch vụ (Shophouse), chiếm TL 20 – 30% DT đất ở, qui mô 2 – 3 tầng, tiêu chuẩn DT sàn ở 15 - 18m²/người. Mỗi lô đất có DT 120 - 160m², có giao thông kỹ thuật phía sau (thông hành địa dịch) rộng 3,5 – 4m.

b. Công trình DV phúc lợi: có tỉ lệ chiếm đất 8 – 10%

b.1. Nhà trẻ: theo chỉ tiêu 1000 dân / 50 trẻ, tiêu chuẩn DT đất 12m²/ trẻ, MĐXD = 35%, qui mô 1 – 2 tầng, có thể bố trí độc lập trong khu đất hoặc kết hợp ở phần tầng thấp của các khối chung cư tùy theo giải pháp QH tổng mặt bằng của phương án thiết kế;

b.2. Trạm y tế: theo chỉ tiêu 1000 dân/ trạm 500m² đất, MĐXD 35%, qui mô 2 – 3 tầng, có thể bố trí độc lập trong khu đất hoặc kết hợp ở khối đế của các khối chung cư tùy theo giải pháp QH tổng mặt bằng của phương án thiết kế;

b.3. Sân tập luyện TDTT, chiếm tỷ lệ 2% đất, bố trí xen lẫn vào khu sân chơi của các khối chung cư;

b.4. Dịch vụ (CLB sinh hoạt, phòng đọc sách, bưu điện, chi nhánh ngân hàng, quán ăn, giải khát, cửa hàng tiện ích) chiếm tỷ lệ 5% DT đất, qui mô 2 – 3 tầng, MĐXD 35 – 45%, có thể bố trí tập trung hay phân tán theo từng cụm hoặc bố trí ở các tầng thấp của các khối chung cư.

c. Công trình TM – DV: có tỉ lệ đất chiếm TL 12 - 15%

- Gồm các loại hình: cửa hàng (shop), chợ đặc sản, siêu thị, TTTM cao cấp;
- Bố trí các loại hình kết hợp phần các tầng thấp của khối chung cư cao cấp, qui mô 4 – 5 tầng;
- DT sàn sử dụng: 12.000 – 22.000m²;
- Bố trí các chức năng: mua sắm, ăn uống (các loại hình thức nhà hàng, quán giải khát), cụm rạp chiếu phim (cineplex), phục hồi sức khỏe (Spa), tập thể dục (Fitness), bowling, games...

d. Đất công viên cây xanh: chiếm TL 18 – 20%, có thể bố trí tập trung hoặc phân tán theo các khu vực ở phụ thuộc phương án QH tổng mặt bằng cơ cấu sử dụng đất của phương án thiết kế.

e. Đất giao thông: chiếm TL 10 – 12%, gồm đường khu vực, đi bộ, trục cảnh quan, sân bãi đậu xe bus, taxi, xe công nghệ, đường chữa cháy, ...

Chú ý: Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị: trạm điện, trạm cấp nước, khu xử lý nước thải, nhà điều hành kỹ thuật ... không tính trong chỉ tiêu đất của khu nghiên cứu, được bố trí tập trung trong QH sử dụng đất của khu đô thị Tây Bắc – Củ Chi - Tp.HCM.

2. THỂ LOẠI CTCC

DT khu đất nghiên cứu khoảng: 7 – 8 ha, gồm có các công trình sau:

a. Quảng trường khu vực: chiếm TL 5 – 8%, bố trí tập trung hoặc phân tán trong đất công viên cây xanh, gồm các công trình kiến trúc nhỏ như quán giải khát, chòi nghỉ chân, tủ ATM, nhà vệ sinh công cộng, sân khấu và không gian sinh hoạt tập trung ngoài trời, kiến trúc cảnh quan đặc thù (hồ nước, mái căng, kiến trúc biểu tượng trang trí, ...)

b. Đất xây dựng các loại hình công trình theo QH của khu đất lựa chọn:

SV được lựa chọn 4 - 5 công trình trong các loại hình công trình sau để nghiên cứu QH tổng mặt bằng của đồ án, có TL chiếm đất của cụm công trình lựa chọn nghiên cứu: 55 – 65%, gồm

b.1. Cao ốc văn phòng (COVP): SV tự chọn các loại hình COVP cho thuê, trụ sở công ty, trụ sở ngân hàng, giao dịch kết hợp thương mại dịch vụ.

- DT XD: 2500 - 3000m² (Tầng điển hình VP: 1.500 -2.000m²);
- Qui mô: 18 – 25 tầng, MĐXD 45 – 55%; Hệ số K = 7 – 7,5 lần;
- Chức năng:
 - COVP: VP cho thuê, DV phục vụ VP, quản lý tòa nhà, kỹ thuật phụ trợ;
 - Trụ sở ngân hàng: Sảnh giao dịch ngân hàng, quản lý ngân hàng, làm việc nghiệp vụ ngân hàng, dịch vụ phục vụ nhân viên ngân hàng, kỹ thuật phụ trợ;
 - Trụ sở công ty: Sảnh công ty, lãnh đạo và quản lý công ty, hội thảo, ăn uống, triển lãm, Các bộ phận làm việc nghiệp vụ hoạt động chuyên môn, lưu trữ thông tin, đào tạo, tập huấn, ..., kỹ thuật phụ trợ;
 - COVP kết hợp TM-DV: văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, dịch vụ, quản lý tòa nhà, kỹ thuật phụ trợ.

b.2. Trụ sở trung tâm hành chính cấp khu vực

- DT XD: 1.500 – 2.500m² (Tầng điển hình văn phòng làm việc: 1.500 -1,800m²);
- Qui mô: 6 – 12 tầng, MĐXD 40 – 45%; Hệ số K = 3,8 – 4,2 lần
- Chức năng: văn phòng cơ quan tiếp dân, lãnh đạo, các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn cấp thành phố, Hội trường lớn, phục vụ, kỹ thuật phụ trợ.

b.3. Trung tâm thương mại dịch vụ

- DTXD: 5.000 - 6.500m²;
- Qui mô: 4 – 8 tầng, MĐXD 50 - 55%; hệ số K = 3,2 – 3,7 lần;
- Chức năng: mua sắm, ăn uống, cụm rạp chiếu phim, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, hội thảo, quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.4. Khách sạn cao tầng: SV lựa chọn các loại hình thành phố, du lịch, hội nghị, ...

- DTXD: 4.000 – 5.000m² (Tầng điển hình khối ngủ: 1.400 – 1.500m², 20 – 25 phòng ngủ loại STD/ tầng, tiêu chuẩn 3 – 4 sao, MĐXD 30 – 35%, hệ số K = 3 – 3,5 lần;
- Qui mô: 15 – 25 tầng, trong đó khối ngủ gồm 12 – 20 tầng, 300 – 400 phòng, có các hạng: Standard, Supervisor, Suite, Deluxe gồm các loại phòng ngủ: 1 giường, 2 giường, giường đôi, phòng gia đình;
- Chức năng: sảnh đón tiếp, khối ngủ cao tầng, dịch vụ công cộng (nhà hàng, bar, vũ trường, hội thảo, giải trí, spa, thể dục, hồ bơi, sân Tennis, ...), quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.5. Trung tâm Hội nghị - Triển lãm

- DTXD: 10.000 - 15.000m²;
- Qui mô: 5 - 9 tầng, MĐXD 50 - 55%; hệ số K = 2,5 – 3 lần
- Chức năng: hội nghị, triển lãm, dịch vụ hội nghị, giao dịch, quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.6. Trường học: SV tự chọn loại hình và ngành đào tạo theo các cấp học Trung cấp nghề, Cao đẳng, Học viện, Đại học chuyên ngành hoặc đa ngành

- Quy mô: 1.000 – 4.000 SV
- DTXD: 15.000 - 20.000m² (lựa chọn quy mô nhiều tầng, cao tầng để giảm diện tích đất theo TCVN 3981:1985);
- Qui mô: 9 – 15 tầng, MĐXD 35 - 40%; hệ số K = 2 - 2,5 lần.
- Chức năng: lớp lý thuyết, thực hành, đào tạo chuyên ngành, hội thảo, giảng đường nhiều loại quy mô, triển lãm, thư viện nghiên cứu, câu lạc bộ học thuật và kỹ năng, quản lý, hiệu bộ và văn phòng khoa, kỹ thuật phụ trợ.

b.7. Viện nghiên cứu: SV tự chọn chuyên ngành nghiên cứu

- DTXD: 12.000 - 15.000m² (lựa chọn quy mô nhiều tầng, cao tầng);
- Qui mô: 5 – 12 tầng, MĐXD 30 - 40%; hệ số K = 2,2 - 2,5 lần.
- Chức năng: các khoa nghiên cứu về các ngành khoa học xã hội, con người - các ngành khoa học tự nhiên, môi trường - các ngành văn hóa, nghệ thuật – các ngành kỹ thuật công nghệ, vật liệu – các ngành về kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học vũ trụ thiên văn – các ngành về khoa học quân sự, ..., các lớp lý thuyết, thực hành, đào tạo chuyên ngành, hội thảo, giảng đường nhiều loại quy mô, triển lãm, thư viện nghiên cứu, câu lạc bộ học thuật, quản lý và văn phòng khoa nghiên cứu, kỹ thuật phụ trợ.

b.8. Nhà hát – Trung tâm văn hóa, nghệ thuật: SV tự chọn loại hình biểu diễn, nghệ thuật

- DTXD: 5.000 - 8.000m², trong đó có khán phòng lớn có quy mô 400 – 800 chỗ (hạng C – TCVN 9369:2012);
- Qui mô: 3 – 5 tầng, MĐXD 30 - 35%; hệ số K = 1,5 - 2 lần;
- Chức năng: khán phòng biểu diễn các loại hình nghệ thuật hoặc đa năng, khu biểu diễn ngoài trời, khu triển lãm, sinh hoạt giao lưu văn hóa, cộng đồng, khu giải trí, dịch vụ, quản lý, kỹ thuật.

b.9. Cụm Rạp chiếu phim (Cineplex): SV tự chọn quy mô số rạp và số chỗ

- DTXD: 4.000 - 6.500m²
- Qui mô: 4 – 6 tầng, MĐXD 30 - 35%; hệ số K = 2 – 2,5 lần;
- Chức năng: sảnh đón tiếp - Khu trước soát vé gồm: quầy bán vé, khu xếp hàng mua vé, quảng cáo poster, trailer phim mới, khu ăn uống nhanh, khu bán đồ lưu niệm, văn hóa phẩm phim ảnh và nhạc, khu vệ sinh – Khu sau soát vé: các rạp chiếu phim có quy mô 80 – 250 chỗ, khu giải khát, giải lao, vệ sinh công cộng – Khu quản lý – Khu kỹ thuật phòng máy chiếu, kho băng từ - Khu quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.10. Bảo tàng – Trung tâm triển lãm: SV tự chọn loại hình trưng bày

- DTXD: 5.000 - 8.000m²
- Qui mô: 3 – 6 tầng, MĐXD 30 - 35%; hệ số K = 1,5 – 2 lần;
- Chức năng: sảnh đón tiếp, gian long trọng, các khu trưng bày trong nhà và ngoài trời, khu nghiên cứu, hội thảo có khán phòng quy mô ≥ 350 chỗ, thư viện nghiên cứu, khu giao lưu cộng đồng, trải nghiệm, dịch vụ, kho lưu trữ, quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.11. Thư viện: SV tự chọn các loại hình thư viện tổng hợp, nghiên cứu, cộng đồng

- Diện tích xây dựng theo quy mô cấp phục vụ số dân = 100.000 – 120.000 dân;
- Qui mô: 6 – 8 tầng, MĐXD 30 - 35%; hệ số K = 2 – 2,5 lần;
- Chức năng: sảnh đón tiếp, các khu đọc sách theo các hình thức, khu nghiên cứu, hội thảo có khán phòng quy mô ≥ 350 chỗ, sinh hoạt giao lưu cộng đồng, dịch vụ, kho sách lưu trữ và nghiệp vụ sách, quản lý, kỹ thuật phụ trợ.

b.12. Bệnh viện: SV tự chọn loại hình BV đa khoa hoặc chuyên khoa

- Quy mô: 250 – 350 giường (BV đa khoa khu vực theo TCVN 9212:2012)
- Tầng cao: 9 – 12 tầng, MĐXD 30 - 35%; hệ số K = 3 – 3,6 lần.
- Chức năng: Khôi điều trị nội trú, khám bệnh, Khôi kỹ thuật nghiệp vụ, dịch vụ, quản lý, và các khoa phục vụ, kỹ thuật phụ trợ.

c. Đất công viên, cây xanh: chiếm TL 15 – 20%, có thể bố trí tập trung, phân tán, kết hợp với đất cây xanh cách ly dọc sông, rạch (nếu chọn khu vực này), có thể bố trí kết hợp với đất quảng trường khu vực, bố trí các công trình kiến trúc nhỏ: quán giải khát, chòi nghỉ chân, tủ ATM, cửa hàng sách báo, Internet.

d. Đất giao thông: chiếm TL 12 – 15%, bố trí đường khu vực, đi bộ, trục cảnh quan, sân bãi đậu xe Bus, taxi, xe công nghệ, đường chữa cháy, ...

Chú ý: Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị: trạm điện, trạm cấp nước, khu xử lý nước thải, nhà điều hành kỹ thuật, ... không tính trong chỉ tiêu đất của khu nghiên cứu, được bố trí tập trung trong QH sử dụng đất của khu đô thị Tây Bắc – Củ Chi – TP.HCM.

Yêu cầu:

1. Lựa chọn khu đất nghiên cứu thuộc QHSDD của khu đô thị Tây bắc – Củ Chi – TP. HCM theo thể loại đề tài để nghiên cứu

2. Lựa chọn nhóm công trình để thực hiện QH tổng mặt bằng khu đất theo đúng cơ cấu giao thông và cơ cấu chức năng của khu đô thị Tây Bắc – Củ Chi – TP.HCM, trong đó:

→ SV phải giữ lại cơ cấu giao thông trục chính của đô thị theo bản đồ QHSDD, có thể thay đổi các trục giao thông nội bộ (có ký hiệu là đường nét đứt đoạn trên bản đồ QHSDD)

→ SV lựa chọn nhóm công trình Nhà ở và nhóm CTCC theo cơ cấu đất trong phân ghi chú chức năng của loại đất (theo màu) của bản đồ QHSDD

2.1. THỂ LOẠI CÔNG TRÌNH NHÀ Ở:

a. Nhà ở chung cư – Nhà liên kế thương mại dịch vụ: SV lựa chọn 3 loại hình nhà ở sau, có

tỷ lệ các loại hình chọn sao cho phù hợp tỷ lệ chiếm đất ở theo mục III.1 để QH tổng mặt bằng khu chức năng ở phù hợp với cơ cấu loại hình nhà ở của đề bài, gồm các loại hình nhà ở theo các giải pháp thiết kế sau:

- Chung cư cao tầng hạng A hoặc B kiểu độc lập hoặc kiểu ghép 2 - 3 đơn nguyên;
- Chung cư cao tầng hạng A kiểu tháp đôi kết hợp TM – DV;
- Chung cư cao tầng hạng B kiểu độc lập hoặc ghép đơn nguyên và hành lang;
- Chung cư thấp tầng hạng A kiểu độc lập hoặc kiểu ghép 2 – 3 đơn nguyên;

(chú ý: Giải pháp thiết kế Chung cư cao tầng có thể kết hợp với chức năng TM – DV)

- Nhà liên kế kết hợp TM – DV (Shophouse) bố trí theo dãy: 10 - 12 căn / dãy.

b. Công trình Dịch vụ phúc lợi.

c. Công trình TM – DV.

d. Đất công viên cây xanh.

e. Đất giao thông khu vực và đi bộ.

2.2. THỂ LOẠI CTCC:

a. Quảng trường khu vực

b. CTCC: SV lựa chọn 4 - 5 loại hình CTCC đã nêu ở mục III.2.b để QH tổng mặt bằng khu chức năng đặc thù, trong đó các CTCC được chọn sao cho có mối quan hệ sử dụng, tác động lẫn nhau phù hợp với cơ cấu hoạt động

c. Đất công viên cây xanh (hoặc kết hợp quảng trường khu vực)

d. Đất giao thông khu vực và đi bộ

3. Phân tích đặc điểm khu đất nghiên cứu

4. Lập QH TỔNG MẶT BẰNG khu đất lựa chọn nghiên cứu

5. Thiết kế bản vẽ kỹ thuật công trình kiến trúc đã chọn theo QH tổng mặt bằng đã được thông qua ở GD 1

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

Thiết kế kỹ thuật công trình đã chọn trong Giai đoạn 1:

A. THỂ LOẠI CÔNG TRÌNH NHÀ Ở

- Phần nghiên cứu kiến trúc: khai triển kỹ thuật công trình đã chọn

- Thuyết minh Nhiệm vụ thiết kế công trình đã chọn;
- MBTT công trình trên khu đất nghiên cứu trong GD1, TL1/500- 1/400 hoặc TL xích;
- MB khai triển tổng thể (MB tầng trệt trên khu đất, thể hiện các lối vào, sân bãi...), TL 1/200 hoặc TL xích;
- MB các tầng lầu, hầm khối chức năng TM - DV, TL 1/200 hoặc TL xích;
- MB tầng điển hình khối căn hộ, TL1/100, có bảng cơ cấu căn hộ;
- MĐ các hướng chính của công trình, TL 1/200 hoặc TL xích;
- MC qua các vị trí lối vào chính, nút giao thông chính của khối tầng điển hình, TL 1/200 hoặc TL xích;
- Phối cảnh tổng thể và các phối cảnh khác.

- Phần nghiên cứu kỹ thuật: chọn 2 thành phần nghiên cứu trong các nội dung sau

- Giải pháp kết cấu tầng điển hình chung cư: MB sơ đồ kết cấu và sơ đồ MC kết cấu 1 tầng;
- Giải pháp hệ thống kỹ thuật của tầng điển hình căn hộ chung cư: lựa chọn 1 trong các thành phần; kỹ thuật (cấp điện chiếu sáng, cấp nước, thoát nước), gồm các bản vẽ sơ đồ không gian hệ thống, MB bố trí thiết bị của tầng điển hình căn hộ;
- Trang trí nội thất 1 căn hộ căn đặc biệt của chung cư: MB bố trí, MĐ các tường, Phối cảnh nội thất có ghi chú vật liệu, màu sắc;
- Cấu tạo đặc biệt, trang thiết bị đặc thù: các bộ phận bên trong theo loại hình công trình đã chọn và vỏ bao che bên ngoài phù hợp hình khối nghiên cứu

- Vật lý kiến trúc: thông gió, chiếu sáng cho căn hộ, bức xạ nhiệt vỏ bao che công trình phù hợp với xu hướng kiến trúc sinh thái, tiết kiệm năng lượng;
- Cảnh quan cây xanh: sơ đồ, MB, chi tiết cấu tạo phù hợp vùng khí hậu nhiệt đới TP.HCM.

B. THỂ LOẠI CTCC

- Phần nghiên cứu kiến trúc: khai triển kỹ thuật công trình đã chọn

- Thuyết minh Nhiệm vụ thiết kế công trình đã chọn;
- MBTT công trình trên khu đất nghiên cứu trong GĐ1, TL1/500 - 1/400 hoặc TL xích;
- MB khai triển tổng thể (MB tầng trệt trên khu đất, thể hiện các lối vào, sân bãi...), TL 1/200 hoặc TL xích;
- MB các tầng lầu, hầm, TL 1/200 hoặc TL xích;
- MB tầng điển hình của công trình có chức năng: tầng làm việc (COVP, Hành chính, Viện nghiên cứu), khối ngủ (KS), khối điều trị nội trú (BV), khối học (Trường học), TL1/100 – 1/200;
- MĐ các hướng chính của công trình, TL 1/200 hoặc TL xích;
- MC qua các vị trí lối vào chính, nút giao thông chính của công trình, TL 1/200 hoặc TL xích;
- Phối cảnh tổng thể và các phối cảnh khác.

- Phần nghiên cứu kỹ thuật: chọn 2 thành phần nghiên cứu trong các nội dung sau

- Giải pháp kết cấu tầng điển hình các loại công trình có tầng điển hình: MB sơ đồ kết cấu và sơ đồ MC kết cấu 1 tầng;
- Giải pháp hệ thống kỹ thuật của tầng chức năng (tự chọn): lựa chọn 1 trong các thành phần kỹ thuật (cấp điện chiếu sáng, cấp hoặc thoát nước, điều hòa không khí) gồm các bản vẽ sơ đồ không gian hệ thống, MB bố trí thiết bị;
- Trang trí nội thất 01 không gian đặc thù của công trình (tự chọn): MB bố trí, MĐ các tường, Phối cảnh nội thất có ghi chú vật liệu, màu sắc;
- Cấu tạo đặc biệt, trang thiết bị đặc thù: các bộ phận bên trong theo loại hình công trình đã chọn và vỏ bao che bên ngoài phù hợp hình khối công trình nghiên cứu;
- Vật lý kiến trúc: thông gió, chiếu sáng, môi trường, bức xạ nhiệt vỏ bao che công trình phù hợp với xu hướng kiến trúc sinh thái, tiết kiệm năng lượng;
- Cảnh quan cây xanh: sơ đồ, MB, chi tiết cấu tạo nghiên cứu phù hợp với giải pháp thiết kế và vùng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm TP.HCM

C. YÊU CẦU THỰC HIỆN:

- SV thể hiện: vẽ máy và nộp bài theo quy định

+ Số lượng: 04 tờ

+ Quy cách: KHỔ BẢN VẼ A0 – IN NGANG – TỜ RỜI

+ Tập THUYẾT MINH: đóng tập khổ A4

- SV bảo vệ trực tiếp bản vẽ treo trên 02 khung giá ghim bản vẽ được bố trí tại mỗi phòng của mỗi Tiêu ban.

- Thời gian bảo vệ dự kiến: từ thứ Năm, ngày 10/4/2025 đến thứ Bảy, ngày 12/4/2025 theo Tiểu ban (SV theo dõi lịch thông báo của Khoa về danh sách, thời gian và địa điểm cụ thể).
- Nộp bài online từ 18g30 thứ Năm ngày 10/4/2025 – 18g30 thứ Bảy ngày 12/4/2025. SV nộp file đồ án (định dạng JPEG, PDF), các file đặt tên theo số bản vẽ, tất cả các file đặt vào 01 thư mục với tên thư mục theo cú pháp: MSSV-Ho và ten SV-Lop (viết không dấu). Sau đó nén lại và nộp vào CTE theo link của Trung tâm khảo thí thông báo tại trang online.vlu.edu tại mục “Lịch thi” theo thời gian thông báo trên. **SV không nộp file vào CTE sẽ không được công nhận điểm bảo vệ.**
- Kết quả điểm GD 2: theo thang điểm 10, chiếm tỷ lệ 70% số điểm cuối kỳ

3. Rubric và thang điểm

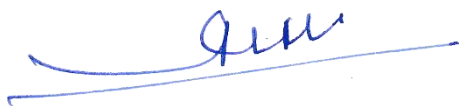
Tiêu chí		Trọng số (%)	Tốt Từ 8.5 – 10đ	Khá Từ 7 – dưới 8.5đ	Trung bình Từ 5 – dưới 7đ	Yếu dưới 5đ
PHẦN NGHIÊN CỨU KIẾN TRÚC: CÔNG NĂNG	Tổ chức MBTT công trình	10	1/ Giải quyết MBTT tốt phù hợp với hiện trạng đặc điểm khu đất XD; Tổ chức hình khối tổng thể phù hợp địa thế - tạo tầm nhìn đẹp từ nhiều hướng; Giao thông ở tổng thể hợp lý 2/ Giải pháp đồng bộ tốt với QH TMB của khu vực nghiên cứu trong khu đô thị của đồ án trong GD 1	1/ Giải quyết MBTT khá tốt phù hợp với hiện trạng đặc điểm khu đất XD; Tổ chức hình khối tổng thể tương đối phù hợp địa thế - có lưu ý về tầm nhìn đẹp; Giao thông ở tổng thể khá hợp lý 2/ Giải pháp đồng bộ khá tốt với QH TMB của khu vực nghiên cứu trong khu đô thị của đồ án trong GD 1	1/ Giải quyết MBTT chưa quan tâm hoặc phân tích bỏ sót một số đặc điểm quan trọng của khu đất XD; Tổ hợp hình khối, giao thông còn bất cập; Chưa lưu ý tầm nhìn từ bên ngoài. 2/ Giải pháp chỉ đồng bộ một phần với QH TMB của khu vực nghiên cứu trong khu đô thị của đồ án trong GD 1	1/ Giải quyết MBTT không quan tâm và phân tích sai sót trong xử lý đặc điểm khu đất XD gây bất lợi cho công trình; Tổ hợp không gian hình khối, giao thông còn nhiều bất cập 2/ Giải pháp không đồng bộ với QH TMB của khu vực nghiên cứu trong khu đô thị của đồ án trong GD 1
	Tổ chức phân khu chức năng – Dây chuyền sử dụng và tổ chức	30	1/ MB tổ chức phân khu chức năng công trình và dây chuyền sử dụng trong các hạng mục hợp lý 2/ Tổ chức hệ thống giao thông của các	1/ MB tổ chức phân khu chức năng và dây chuyền sử dụng trong các hạng mục khá hợp lý 2/ Tổ chức hệ thống giao thông của các đối tượng sử	1/ MB tổ chức phân khu chức năng và dây chuyền sử dụng trong các hạng mục chưa tốt 2/ Tổ chức hệ thống giao thông của các đối tượng sử dụng tương đối hợp lý	1/ MB tổ chức phân khu chức năng và dây chuyền sử dụng hoàn toàn không hợp lý; 2/ Tổ chức hệ thống giao thông của các đối tượng sử

	giao thông		đối tượng sử dụng hợp lý 3/ Tổ chức các bộ phận không gian chức năng tốt về tính logic, phong phú, sáng tạo. 4/ Đảm bảo tốt về an toàn thoát người và tiếp cận cho người tàn tật. 5/ Nghiên cứu tốt các không gian chức năng đặc thù tốt	dụng khá hợp lý 3/ Tổ chức các bộ phận không gian khá tốt về tính logic; phong phú, sáng tạo 4/ Đảm bảo khá tốt về an toàn thoát người và có lưu ý tiếp cận cho người tàn tật. 5/ Nghiên cứu khá tốt các không gian chức năng đặc thù tốt	3/ Tổ chức các bộ phận không gian tương đối hợp lý về tính logic, phong phú, sáng tạo 4/ Chưa đảm bảo an toàn thoát người và tiếp cận cho người tàn tật. 5/ Chưa nghiên cứu các không gian chức năng đặc thù.	dụng không hợp lý 3/ Tổ chức các bộ phận không gian không đạt yêu cầu về logic, không có sáng tạo. 4/ Không đảm bảo an toàn thoát người và tiếp cận cho người tàn tật. 5/ Các không gian chức năng đặc thù không đạt yêu cầu thiết kế
PHẦN NGHIÊN CỨU KIẾN TRÚC: THẨM MỸ	Hình khối kiến trúc	15	1/ Tổ hợp hình khối phù hợp với thể loại công trình đã chọn và phù hợp với đặc điểm của khu đất nghiên cứu. 2/ Tổ hợp hình khối đạt tốt về thẩm mỹ cao, đẹp và sáng tạo	1/ Tổ hợp hình khối khá phù hợp với thể loại công trình đã chọn và khá phù hợp với đặc điểm của khu đất nghiên cứu. 2/ Tổ hợp hình khối khá tốt về thẩm mỹ cao, đẹp và sáng tạo	1/ Tổ hợp hình khối tương đối phù hợp với thể loại công trình đã chọn và khá phù hợp với đặc điểm của khu đất nghiên cứu. 2/ Tổ hợp hình khối đạt tương đối về thẩm mỹ cao, đẹp và sáng tạo	1/ Tổ hợp hình khối không phù hợp với thể loại công trình đã chọn và khá phù hợp với đặc điểm của khu đất nghiên cứu. 2/ Tổ hợp hình khối còn sơ sài, không đạt yêu cầu
	Giải pháp hình thức mặt đứng – vật liệu	10	1/ Hình thức kiến trúc lựa chọn vật liệu, màu sắc và đường nét phù hợp với tính chất đặc trưng của công trình 2/ Giải pháp xử lý mặt đứng đạt hiệu quả về thẩm mỹ và giải quyết kỹ thuật, cấu tạo	1/ Hình thức kiến trúc lựa chọn vật liệu, màu sắc và đường nét khá phù hợp với tính chất đặc trưng của công trình 2/ Giải pháp xử lý mặt đứng khá hiệu quả về thẩm mỹ và giải quyết kỹ thuật, cấu tạo	1/ Hình thức kiến trúc lựa chọn vật liệu, màu sắc và đường nét chưa phù hợp với tính chất đặc trưng của công trình 2/ Giải pháp xử lý mặt đứng chưa hiệu quả về thẩm mỹ và giải quyết kỹ thuật, cấu tạo và vật lý kiến trúc	1/ Hình thức kiến trúc lựa chọn vật liệu, màu sắc và đường nét không phù hợp với tính chất đặc trưng của công trình 2/ Giải pháp xử lý mặt đứng không đạt yêu cầu về thẩm mỹ và kỹ thuật, cấu

			và vật lý kiến trúc	và vật lý kiến trúc		tạo và vật lý kiến trúc
PHÂN NGHIÊN CỨU KỸ THUẬT: TỰ CHỌN 02 NỘI DUNG		10	1/ Nghiên cứu đầy đủ khối lượng 2 thành phần kỹ thuật, phân phân tích triển khai kỹ thuật phù hợp với thể loại công trình. 2/ SV hiểu rõ và nghiên cứu áp dụng vấn đề kỹ thuật vào đồ án tính thực tế và ứng dụng cao	1/ Nghiên cứu tương đối đủ 2 thành phần kỹ thuật, khá phù hợp với thể loại công trình 2/ SV nắm được và có áp dụng vấn đề kỹ thuật vào đồ án có tính thực tế và ứng dụng nhưng chưa cập nhật thông tin mới.	1/ Nghiên cứu chưa đủ 2 thành phần kỹ thuật, chưa phù hợp với thể loại công trình 2/ SV chưa hiểu và không vận dụng vấn đề kỹ thuật vào đồ án có tính thực tế và thông tin lạc hậu.	1/ Không nghiên cứu 2 thành phần kỹ thuật. 2/ SV không biết vận dụng vấn đề kỹ thuật vào đồ án.
THỂ HIỆN	Quy cách bản vẽ kỹ thuật	5	BV đúng chuẩn quy cách bản vẽ kỹ thuật, thể hiện đầy đủ thành phần và theo đúng yêu cầu đề bài	BV đúng chuẩn quy cách bản vẽ kỹ thuật, thể hiện tương đối đủ thành phần và tương đối đạt yêu cầu đề bài	BV không đúng chuẩn quy cách bản vẽ kỹ thuật, không đầy đủ thành phần và chỉ đạt một phần yêu cầu đề bài	BV sai chuẩn quy cách bản vẽ kỹ thuật, không thể hiện đủ thành phần và không đúng yêu cầu đề bài
	Kỹ năng dàn trang, đồ họa vi tính	10	1/ BV có bố cục dàn trang khoa học, hợp lý, nêu bật ý tưởng thiết kế. 2/ BV đồ họa đẹp, đạt hiệu quả thẩm mỹ của đồ án kiến trúc.	1/ BV có bố cục dàn trang khá tốt, có nêu được ý tưởng thiết kế. 2/ BV đồ họa đạt hiệu quả thẩm mỹ của đồ án kiến trúc.	1/ BV có bố cục dàn trang chưa hợp lý, không thể hiện được ý tưởng thiết kế. 2/ BV đồ họa không đạt hiệu quả thẩm mỹ của đồ án kiến trúc.	1/ BV không có bố cục dàn trang, cầu thả, sơ sài. 2/ BV đồ họa không đạt, chưa thể hiện đúng yêu cầu đồ án kiến trúc.
THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THIẾT KẾ		10	Đầy đủ thông tin các mục, khái quát được phần nghiên cứu giai đoạn 1. Làm rõ được các thông số chỉ tiêu kỹ thuật. Lập được Bảng nhiệm vụ thiết kế chi tiết, đầy	Khá đầy đủ thông tin, khái quát tương đối phần nghiên cứu giai đoạn 1, các thông số kỹ thuật còn chưa chính xác. Bảng nhiệm vụ thiết kế tương đối đầy đủ, khá	Thiếu sót một số thông tin của một thuyết minh, phần nghiên cứu giai đoạn 1 còn chưa khai quát đầy đủ, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có sự logic xong vẫn còn sai sót. Bảng nhiệm vụ thiết kế còn chung chung,	Thuyết minh thiếu các thông tin quan trọng, chưa kế thừa nghiên cứu giai đoạn 1, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sai nguyên lý, nhiệm vụ thiết kế sơ sài,

		đủ, có cơ sở và phù hợp với thể loại – quy mô đã chọn	phù hợp với quy mô và thể loại đã chọn, còn sai sót về cơ sở tính toán	chưa chi tiết, chưa làm rõ một số cơ sở tính toán	chưa phù hợp, cơ sở lý luận thấp
	100%				

Người duyệt đề



TS.KTS. Trần Anh Tuấn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 04 năm 2025

Giảng viên ra đề



ThS.KTS Văn Tấn Hoàng